TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/DS-PT
Ngày 31 tháng 3 năm 2021
"V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trịnh Hoàng Anh.

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm.

Ông Đoàn Ngọc Thiện.

-Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy –Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh BRVT.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên toà: Ông Thái Quốc Bảo - Kiểm sát viên**.**

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2021/TLPT–DS ngày 5 tháng 2 năm 2021, về tranh chấp: "Quyền sử dụng đất",

Do bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DSST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 34/2021/QĐPT-DS ngày 2 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trương Phước Nam M, sinh năm 1974; địa chỉ: 3/11 Ngô Văn H, Phường X, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.(vắng mặt)

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hồng T, sinh năm 1973; địa chỉ: Số A, Phường M, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

(Giấy ủy quyền ngày 12/4/2019) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1955 (Vắng mặt) và bà Lê Thị M, sinh năm 1954 (Có mặt); địa chỉ: Khu phố X, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959; địa chỉ: khu phố A, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn S, sinh 1961. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện x, tỉnh Đồng Nai.

(Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2021) (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Huỳnh Thị Kim Anh, sinh năm 1982 (Có mặt) và ông Nguyễn Can Kim Long, sinh năm 1980 (Vắng mặt); Địa chỉ: khu phố L, thị trấn H, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3.2 Bà Huỳnh Thị Nhang, sinh năm 1987; địa chỉ:, khu phố A, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt).

3.3 Bà Dương Thị S, sinh năm 1942; địa chỉ: khu phố T, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn Ông Huỳnh Văn D, sinh năm 1955 và bà Lê Thị M, sinh năm 1954; Địa chỉ: khu phố A, thị trấn P, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**/Theo đơn khởi kiện, tại các bản khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà* Trương Phước Nam M *trình bày:* Ngày 20/6/2007, bà Mai nhận thừa kế diện tích đất 2.299m^2 thửa 61, tờ bản đồ số 10 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Đ741330 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 29/6/2004 cho mẹ ruột là bà Dương Thị Nguyên (đã chỉnh lý sang tên bà Mai ngày 09/8/2007). Qua đo đạc xác định mốc giới, bà Mai phát hiện gia đình bà M đã sử dụng lấn sang phần diện tích đất của bà Mai và có 03 phần căn nhà của gia đình ông D, bà M xây dựng trên đất.Theo Sơ đồ vị trí đất tranh chấp lập ngày 25/12/2018 thì diện tích đất gia đình ông D, bà M sử dụng lấn sang diện tích đất khoảng 87m^2 . Bà Mai làm đơn ra chính quyền giải quyết nhưng hòa giải không thành.

Nay bà Mai khởi kiện yêu cầu Tòa án:

+Buộc gia đình ông D, bà M Tháo dỡ công trình xây dựng trên đất trả lại diện tích đã lấn chiếm khoảng 92,6m^2 thuộc thửa 61 tờ bản đồ số 10, đất tọa lạc tại thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ.

**/Tại các bản khai và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn D, bà Lê Thị M và người đại diện trình bày:* Vợ chồng ông D, bà M là chủ sử dụng phần đất giáp ranh với đất của bà Mai. Ông D, bà M có diện tích 120,3m^2 thuộc thửa 412 tờ bản đồ số 10 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 137319 ngày 14/12/2006 cho bà Dương Thị S, chỉnh lý sang tên cho bà Lê Thị M, ông Huỳnh Văn D ngày 29/3/2007. Nguồn gốc đất là do gia đình bà M mua của chị gái là bà Dương Thị S từ năm 1998, đến năm 2002 mới làm giấy tay. Năm 2006 bà S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, năm 2007 sang tên cho bà M. Hiện nay, trên phần đất của gia đình bà M và đất tranh chấp có 03 căn nhà gồm: của vợ chồng bà M xây năm 1998; của vợ chồng bà Huỳnh Thị Kim A xây dựng 2007 và của bà Huỳnh Thị N xây dựng 2016. (Bà Kim Anh và bà Nhang là con gái của ông D, bà M chỉ cho mượn đất để cất nhà ở và hiện đất vẫn đứng tên vợ chồng bà M). Nay bà Mai khởi kiện thì không đồng ý và có đơn phản tố; Yêu cầu Tòa án:

+Hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ741330 ngày 29/6/2004, chỉnh lý biến động trang 4 mang tên Trương Phước Nam M vào ngày 09/8/2007 đối với diện tích 92,6m^2 một phần thửa 61 tờ bản đồ 10 thị trấn Phước Hải.

+Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng đất bằng giấy tay là "Giấy sang đất" ngày 08/8/2002 giữa vợ chồng ông D, bà M với bà S là hợp pháp và công nhận diện tích đất 92,6m^2 thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông D, bà M**.** **(***Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn xin rút phần yêu cầu phản tố này).*

**/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:*

+Tại các bản khai và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị Kim A, ông Nguyễn Can Kim L trình bày: Bà Kim Anh là con ruột ông D, bà M; ông L là chồng bà Kim A. Năm 2006, được cha mẹ cho mượn một phần đất bằng với diện tích căn nhà đã xây dựng là 42m^2 đúng theo Sơ đồ vị trí đất lập ngày 25/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ. Tuy nhiên phần đất này vẫn do cha mẹ đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất, ông Long, bà Kim A chỉ bỏ tiền để xây dựng nhà. Còn đất vẫn của cha mẹ. Nay có tranh chấp thì không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo PL quy định.

+Tại các bản khai và tại phiên tòa bà Huỳnh Thị N trình bày: Bà Nhang là con ruột ông D, bà M. Năm 2016, bà được cha mẹ cho mượn một phần đất bằng với diện tích căn nhà đã xây dựng là 14m^2 đúng theo Sơ đồ vị trí đất lập ngày 25/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ. Tuy nhiên phần đất này vẫn do cha mẹ đứng tên Giấy chứng nhận QSD đất, bà Nhang chỉ bỏ tiền để xây dựng nhà. Còn đất vẫn của cha mẹ. Nay có tranh chấp thì không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo PL quy định.

+Người đại diện của Bà Dương Thị S là bà Nguyễn Thị X (con bà S, sinh 1971) trình bày: Bà S có bán cho bà M một miếng đất diện tích như trong sổ đỏ, đã sang tên cho bà M xong đã lâu nay không còn liên quan gì nữa, bà Sắc đã lớn tuổi đau yếu không thể đến tòa được, xin được vắng mặt.

+Tại bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DSST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ; Đã áp dụng các quy định của pháp luật.

Tuyên xử:

.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Phước Nam M về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D;

+Buộc bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Trương Phước Nam M giá trị phần diện tích đất 87m^2 thuộc một phần thửa 61 tờ bản đồ số 10 thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ là 95.700.000 đồng.

Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D được sử dụng diện tích đất 87m^2 một phần thửa 61 tờ bản đồ số 10 tại thị trấn Phước Hải, huyện đất Đỏ (theo Sơ đồ vị trí đất lập ngày 25/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ).

Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên theo quy định của Luật Đất đai.

. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trương Phước Nam M đối với diện tích trên.

. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D về "Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" với bà Dương Thị S do bà M, ông D rút yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí đo vẽ, định giá, nghĩa vụ chậm trả và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

+Ngày 21/12/2020 bị đơn bà M, ông D có đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên, với nội dung: Đề nghị xét xử lại công nhận cho ông D bà M được quyền sử dụng 87m^2 mà không phải trả tiền cho nguyên đơn bà Mai, vì đất bị đơn bà M, ông D mua của bà S là hợp pháp.

+Tại phiên tòa phúc thẩm:

Một số đương sự vắng mặt Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử; và giấy triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ, Căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét xử công khai tại phiên tòa, nhận thấy: Diện tích đất tranh chấp đo thực tế là 87m^2 thuộc thửa đất 61, đã được cấp giấy CNQSD đất hợp pháp cho mẹ bà Mai là bà Nguyên vào năm 2004 và bà Mai thừa kế năm 2007. Tuy nhiên nhà đình ông D, bà M đã xây dựng một phần nhà ở trên diện tích đất này, nhà xây bằng gạch kiên cố. Nên để gia đình ông D được QSD đất và nhà. Ông D, bà M có nghĩa vụ trả tiền đất theo giá mà Hội đồng định giá đã định giá là 95.700.000 đồng. Tại phiên tòa phía nguyên đơn tự nguyện bớt cho 20.000.000 đồng, chỉ còn phải trả 75.700.000 đồng nên ghi nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo, sửa bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông D, bà M trong hạn luật định và đúng trình tự thủ tục mà bộ luật tố tụng dân sự quy định nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận, xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[2]Xét về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Căn cứ hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho nguyên đơn bà Mai, bị đơn ông D, bà M với sơ đồ vị trí đất tranh chấp lập ngày ngày 25/12/2018, thể hiện:

Diện tích đất của bà Mai được cấp có diện tích đất 2.299m^2 ở thửa 61, tờ bản đồ số 10 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ741330 ngày 29/6/2004

cho mẹ ruột là bà Dương Thị Nguyên (Bà Mai được thừa kế và đã chỉnh lý sang tên ngày 09/8/2007).

Diện tích đất của bà M, ông D được cấp có diện tích đất 120,3m^2 ở thửa 412 tờ bản đồ số 10 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 137319 ngày 14/12/2006 cho bà Dương Thị S, đã chỉnh lý sang tên cho bà M, ông D ngày 29/3/2007.

Thửa đất 412 của ông D bà M giáp ranh với thửa đất 61 của bà Mai.

Theo Sơ đồ vị trí đất tranh chấp lập ngày 25/12/2018 của chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ, thì thấy:

Diện tích đất hiện nay bị đơn ông D bà M đang sử dụng là 208,5m^2 gồm 2 thửa 412 và 61; trong đó: thửa 412 diện tích 121,5m^2 và thửa 61 diện tích 87m^2.

Như vậy diện tích đất bị đơn hiện đang sử dụng lớn hơn diện tích đất được cấp trong giấy CNQSDĐ của bị đơn là 88,2m2 (208,5m^2 - 120,3m^2 = 88,2m^2), trong đó có 87m^2 là phần đất tranh chấp thuộc thửa 61 là QSD đất của bà Mai.

Căn cứ Điều 175 Bộ luật dân sự quy định: *"Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền*". Ranh giới thửa 412 và thửa 61 các đương sự không xác định theo thỏa thuận được thì phải căn cứ vào cơ sở pháp lý là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp hợp pháp để giải quyết.

Như vậy, diện tích đất 87m^2 là phần đất tranh chấp thuộc thửa 61 là QSD đất của bà Mai. Trên phần đất tranh chấp này hiện có 3 phần căn nhà xây dựng trên đất gồm: Nhà của ông D, bà M khai xây dựng từ năm 1998 tại phiên tòa bà M thừa nhận xây năm 2006, nhà của vợ chồng bà Kim Anh xây dựng năm 2006 và nhà của bà Nhang xây dựng năm 2016, như vậy việc xây nhà sau khi phía nguyên đơn được cấp giấy CNQSD đất năm 2004. Cả 3 căn nhà cùng được xây dựng dính trên 2 thửa đất: Thửa 412 và thửa 61 cụ thể diện tích lần lượt là 54,5m^2; 14m^2 và 42m^2, đều có kết cấu gạch, bê tông vững chắc nếu dỡ bỏ phần nhà để trả lại đất cho bà Mai sẽ ảnh hưởng đến kết cấu và mục đích sử dụng của cả 3 căn nhà. Do đó cần giữ nguyên nhà đất cho gia đình ông D, bà M được quyền sử dụng và ông D bà M phải trả giá trị đất bằng tiền là 87m^2 x 1.100.000đ/m^2 = 95.700.000 đồng cho bà Mai. Tại phiên Tòa phúc thẩm phía bà Mai tự nguyện giảm bớt cho gia đình bà M ông D 20.000.000 đồng, chỉ còn phải trả 75.700.000 đồng.

Do đó ông D bà M yêu cầu được quyền sử dụng diện tích đất này mà không phải trả tiền cho bà Mai là không có căn cứ.

+Đối với ông D, bà M yêu cầu hủy phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Mai: Như đã phân tích ở trên thì diện tích đất 87m$^{2.}$ là QSD đất của bà Mai đã được cấp trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Mai. Do đó ông D, bà M yêu cầu hủy phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Mai đối với diện tích 87m^2 là không có căn cứ.

[3]. Về chi phí thẩm định, đo đạc, định giá: Căn cứ Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự. Chi phí hết 3.247.000 đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai được chấp nhận, nên bà M ông D phải chịu. Bà Mai đã ứng ra nộp trước nên bà M và ông D phải hoàn trả lại cho bà Trương Phước Nam M số tiền này.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26, 27 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2006 quy định về án phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà Mai được chấp nhận, nên bà M ông D phải chịu. Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Mai số tiền 4.500.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0003714 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2006 quy định về án phí tòa án.

Do yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D không được chấp nhận, nên phải chịu án phí 300.000 đồng. Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí.

Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông D bà M, Sửa bản án sơ thẩm do lỗi khách quan.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông D, bà M. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 40/2020/DSST ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ; như sau:

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 166 Luật Đất đai.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Phước Nam M về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất" đối với bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D;

+Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D được sử dụng diện tích đất 87m^2 là một phần thửa đất 61 tờ bản đồ số 10 tại thị trấn Phước Hải, huyện đất Đỏ. (Vị trí, kích thước, diện tích đất được xác định theo Sơ đồ vị trí đất ngày 25/12/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đất Đỏ kèm theo Bản án).

+Buộc bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D có nghĩa vụ trả cho bà Trương Phước Nam M giá trị diện tích đất 87m^2 nêu trên với số tiền là 75.700.000 đồng (Bảy mươi lăm triệu bảy trăm nghìn đồng).

Bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan có thẩm quyền chỉnh lý quyền sử dụng đất đối với diện tích đất 87m^2 nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D về việc yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Trương Phước Nam M.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D về việc "Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất" với bà Dương Thị S.

4. Về chi phí đo đạc, định giá tài sản: Buộc bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D trả lại cho bà Trương Phước Nam M số tiền 3.247.000đ (Ba triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho bà Mai số tiền 4.500.000 đồng (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số TU/2017/0003714 ngày 27/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh BRVT.

Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D.

6.Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Lê Thị M và ông Huỳnh Văn D.

7.Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 31/3/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND h. Đất Đỏ
- VKSND tỉnh BRVT.
- THADS tỉnh BRVT.
- THADS h. Đất Đỏ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán- Chủ tọa Phiên tòa

Trịnh Hoàng Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Đoàn Ngọc Thiện **Trương Văn Tâm** **Trịnh Hoàng Anh**